

Số: 13 /GPMT-UBND

Thái Bình, ngày 16 tháng 03 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Kho vận Thanh Danh tại Văn bản số 12/TT-HT ngày 24/02/2023 về việc trình lại báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 102/TTr-STNMT ngày 06 tháng 3 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Kho vận Thanh Danh (địa chỉ: Thôn Cổ Dũng 1, xã Đông La, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Cơ sở kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp” với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Cơ sở kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Nam, xã Đông Phương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

1.3. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001212778 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 15/7/2020.

1.4. Mã số thuế: 1001212778.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng diện tích của cơ sở: 31.748 m<sup>2</sup>.

- Công suất thiết kế của cơ sở:

+ Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng máy công nghiệp (ngành dệt may, ngành giày dép...): 4.000 sản phẩm/năm.



+ Kinh doanh nguyên phụ liệu ngành dệt may, ngành giày dép (chỉ, xấp lót độn, keo, cúc, tấm lót định hình...); kinh doanh vải, hàng may mặc, giày dép và đồ dùng khác cho gia đình: 3.250 tấn/năm.

+ Hoạt động kho bãi lưu giữ hàng hóa tại các kho bãi thông thường (trừ kho ngoại quan và kho có gắn thiết bị đông lạnh) để lưu giữ, bảo quản hàng hóa tiêu dùng, nguyên phụ liệu ngành dệt may, ngành giày dép; máy móc, thiết bị công nghiệp (không lưu giữ hàng hóa dễ cháy nổ, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, hàng hóa nhà nước cấm): 8.200,08 m<sup>2</sup>.

+ Sửa chữa máy móc thiết bị công nghiệp: 800 chiếc/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

## **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Kho vận Thanh Danh.**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Kho vận Thanh Danh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.


**Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực.**

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Đông Hưng;
- Công ty TNHH Kho vận Thanh Danh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NNTNMT.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Văn Hoàn

## Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 13/GPMT-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh tập trung của công nhân.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: 01 dòng ra kênh nội đồng của xã Đông Phương.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh nội đồng của xã Đông Phương.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Kênh nội đồng của xã Đông Phương.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2276170,449; Y = 592824,231 (m) (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  tương đương  $0,833 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy vào nguồn tiếp nhận.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A giá trị  $C_{\max}$  (áp dụng với hệ số K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ/ tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	36	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600	
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,2	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6	
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )(tính theo N)	mg/l	36	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12	

9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6
10	Phosphat ( $\text{PO}_4^{3-}$ ) (tính theo P)	mg/l	7,2
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý qua 02 bể tự hoại 3 ngăn, 01 bể tại khu vực văn phòng dung tích 4,5 m<sup>3</sup>/bể, 01 bể đặt tại khu vực nhà vệ sinh chung dung tích 9 m<sup>3</sup>/bể; sau đó chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung qua đường ống nhựa PVC D90 mm.

#### 1.2. Hệ thống xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể gom → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng bùn → Bể trung gian → Cột lọc → Nguồn tiếp nhận (Kênh nội đồng xã Đông Phương).

- Công suất thiết kế: 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen NaOCl 20%.

#### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

##### 1.4.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện sự cố.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thu gom, thoát nước.

##### 1.4.2. Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

- Khi phát hiện hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; đóng van xả nước thải từ hệ thống xử lý ra kênh nội đồng,

nước thải được lưu chứa vào hồ phòng cháy chữa cháy; nhân viên kỹ thuật tiến hành kiểm tra, sửa chữa, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố bơm ngược trở lại nước thải từ hồ PCCC về bể gom tổng để xử lý lại nước thải; đồng thời tiến hành lấy mẫu kiểm chứng nước thải đầu vào và đầu ra để đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải. Nếu nước thải đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT mới được xả thải ra ngoài môi trường.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho nhà cung cấp hoặc cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ khi cơ sở được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

+ Nước thải đầu vào tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải công suất 20m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Nước thải đầu ra tại bể chứa nước sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất 20m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung mục Mục 2.4.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 mẫu đơn nước thải trước xử lý và 03 mẫu đơn nước thải sau xử lý trong 03 ngày liên tiếp (01 lần/ngày) của giai đoạn vận hành ổn định.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập cho khu vực xung quanh cơ sở.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; bảo đảm không xả nước thải chưa đạt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường.

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải vượt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường.

**Phụ lục 2****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

01 nguồn từ khu vực nhà xưởng sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị công nghiệp của cơ sở.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nhà xưởng sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị công nghiệp, tọa độ:

+ Phía Đông Bắc: X (m) = 2276148,5260; Y (m) = 592851,8962.

+ Phía Tây Bắc: X (m) = 2276122,3535; Y (m) = 592837,3118.

+ Phía Đông Nam: X (m) = 2276072,2234; Y (m) = 592990,3612.

+ Phía Tây Nam: X (m) = 2276045,7798; Y (m) = 592975,7809.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt các thiết bị theo đúng biện pháp kỹ thuật để giảm ồn; đặc biệt với các thiết bị gây ồn lớn được lắp đặt chân đế, bệ máy, và lắp đặt các đệm chống ồn, rung cho thiết bị.

- Vận hành đúng kỹ thuật các loại máy móc, thiết bị sản xuất đảm bảo hệ thống bôi trơn và các chi tiết truyền động.

- Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ máy móc, độ mài mòn chi tiết để bôi trơn dầu mỡ, thay mới thiết bị mài mòn.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 13 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	312
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	3
3	Dầu động cơ bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	960
4	Pin thải	19 06 02	150
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>			<b>1.425</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
01	Nilon đóng gói	200
02	Kệ gỗ kê hàng	1.200
03	Bìa caton	1.186
04	Nguyên phụ liệu không đạt yêu cầu	1.500
05	Vỏ bao bì các loại	789
06	Động cơ hỏng	2.000
07	Vỏ thiết bị	150
08	Cánh quạt	350
09	Máy bơm hỏng	175
10	Sắt thép các loại	150
<b>Tổng</b>		<b>7.700</b>

## 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	43.992
<b>Tổng</b>		<b>43.992</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng rác có nắp đậy kín.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại:

+ Diện tích 12 m<sup>2</sup> được bố trí cạnh kho lưu giữ chất thải thông thường.

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho có mái che, có cửa ra vào, có khóa, nền bảo đảm không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; trong kho bố trí các thùng lưu chứa có dán nhãn; có bố trí thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì.

- Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 36 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu tập kết chất thải có 01 ngăn kết cấu mái, tường bằng tôn khung thép, nền cứng hoá bằng bê tông, cos nền cao hơn cos chung là 20 cm, tường bao cao kín khít, bên ngoài khu có biển báo hiệu.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng rác có nắp đậy kín.

- Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 12 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu tập kết chất thải có kết cấu tường, mái bằng tôn khung thép kín khít chống sự xâm nhập của nắng mưa, nền cứng hóa bằng bê tông, bên ngoài có biển báo hiệu khu lưu giữ rác thải sinh hoạt.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố

môi trường theo quy định tại Điều.122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6, Điều 124, Luật Bảo vệ môi trường 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /S/ GPMT-UBND ngày /6 tháng 03 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất đến cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.

4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.

